

Số: /KH-UBND

Sơn La, ngày tháng 3 năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045 trên địa bàn tỉnh Sơn La

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20/5/2021 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;

Căn cứ Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn 2045;

Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Triển khai đồng bộ, kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ và giải pháp để thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030 tầm nhìn 2045, nhằm đưa Giáo dục nghề nghiệp góp phần phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực có kỹ năng nghề cao cho tăng trưởng nhanh, bền vững, bao trùm và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong từng giai đoạn. Phấn đấu đưa Giáo dục nghề nghiệp của tỉnh tiếp cận trình độ trong khu vực vào năm 2030 và bắt kịp trình độ các nước tiên tiến vào năm 2045.

- Phát triển nhanh Giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại và hiệu quả nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường lao động, của người dân và yêu cầu ngày càng cao về số lượng, cơ cấu, chất lượng nhân lực có kỹ năng nghề cho phát triển của tỉnh trong từng giai đoạn. Phát triển GDNN theo hướng đa dạng, mở, linh hoạt, liên thông, dễ tiếp cận về cơ cấu ngành/ngành, trình độ và phương thức đào tạo (đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao...), tạo ra nhiều cơ hội, mở ra nhiều con đường cho tất cả mọi người có thể lựa chọn để phát triển năng lực cá nhân và thành công trong suốt cuộc đời lao động nghề nghiệp.

- Ứng dụng nhanh, rộng rãi các thành quả của công nghệ đào tạo, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn vào quá trình dạy - học, quản lý và quản trị, đổi mới sáng tạo - khởi nghiệp trong GDNN. Chuyển hướng đào tạo từ diện nghề hẹp, chuyên sâu sang đào tạo diện nghề rộng, tích hợp liên ngành/ngành dựa trên nền tảng tăng hàm lượng chất xám và kỹ năng thích ứng linh hoạt, để người

học dễ dàng dịch chuyển nghề nghiệp trên thị trường lao động không biên giới và đa văn hóa.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đến năm 2025

- Thu hút 40 - 45% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông vào hệ thống giáo dục nghề nghiệp; học sinh, sinh viên nữ đạt trên 30% trong tổng chỉ tiêu tuyển mới.

- Đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho khoảng 25% lực lượng lao động.

- Tỷ lệ lao động là người dân tộc thiểu số qua đào tạo nghề đạt 45%.

- Tỷ lệ lao động là người khuyết tật còn khả năng lao động được học nghề phù hợp đạt 35%.

- Tỷ lệ lao động có các kỹ năng công nghệ thông tin đạt 80%.

- Ít nhất có 01 trường cao đẳng và 50% chương trình đào tạo các ngành, nghề trọng điểm đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng.

- Phấn đấu 100% nhà giáo đạt chuẩn; khoảng 80% cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng quản lý - quản trị hiện đại.

- Phấn đấu 80% ngành, nghề đào tạo được xây dựng, cập nhật chuẩn đầu ra theo khung trình độ quốc gia.

- Phấn đấu 80% người lao động có việc làm mới, hoặc tiếp tục làm nghề cũ nhưng có năng suất, thu nhập cao hơn sau khi học nghề.

- Xây dựng Trường Cao đẳng Sơn La thành trường chất lượng cao.

2.2. Đến năm 2030

- Thu hút 50 - 55% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông vào hệ thống giáo dục nghề nghiệp; học sinh, sinh viên nữ đạt trên 40% trong tổng chỉ tiêu tuyển mới.

- Đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho khoảng 50% lực lượng lao động.

- Tỷ lệ lao động là người dân tộc thiểu số qua đào tạo nghề đạt 50%.

- Tỷ lệ lao động là người khuyết tật còn khả năng lao động được học nghề phù hợp đạt 40%.

- Tỷ lệ lao động có các kỹ năng công nghệ thông tin đạt 90%.

- Ít nhất có 02 trường cao đẳng và 100% chương trình đào tạo các ngành, nghề trọng điểm đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng.

- 100% nhà giáo đạt chuẩn; khoảng 90% cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng quản lý - quản trị hiện đại.

- Phấn đấu 90% ngành, nghề đào tạo được xây dựng, cập nhật chuẩn đầu ra theo khung trình độ quốc gia.

2.3. Tầm nhìn 2045

Giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng nghề của một nước phát triển, có thu nhập cao; trở thành quốc gia phát triển hàng đầu về giáo dục nghề nghiệp trong khu vực ASEAN, bắt kịp trình độ tiên tiến của thế giới và có năng lực cạnh tranh vượt trội ở một số lĩnh vực ngành, nghề đào tạo.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao nhận thức về dạy nghề gắn với giải quyết việc làm

- Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp, người lao động và xã hội về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc dạy nghề gắn với giải quyết việc làm. Phát triển giáo dục nghề nghiệp phải gắn kết chặt chẽ với quy hoạch, phục vụ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, giải quyết tạo việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp tối đa và nâng cao thu nhập, cải thiện cuộc sống an sinh xã hội cho mọi người dân. Nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông làm nền tảng; lấy đào tạo lao động có kỹ năng nghề cao làm khâu đột phá.

- Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền và định hướng nghề nghiệp đối với người dân, nhất là học sinh các trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông, các Trung tâm Giáo dục thường xuyên, trong đó đặc biệt quan tâm đến các trường Phổ thông dân tộc nội trú nhằm thực hiện tốt công tác phân luồng, tạo điều kiện cho học sinh có đủ kiến thức lựa chọn hình thức học phù hợp với khả năng và phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động. Thay đổi tư duy trong hướng nghiệp và đào tạo nghề, để thấy được việc đào tạo kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp phù hợp với nhu cầu thị trường lao động là cơ hội để phát triển bản thân, có việc làm phù hợp, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống.

- Phối hợp hiệu quả giữa các cơ sở đào tạo, đơn vị sử dụng nhân lực, các doanh nghiệp, các cơ quan truyền thông đại chúng, các cơ quan hỗ trợ và cung ứng nhân lực, các cấp chính quyền, đoàn thể nơi cư trú. Vận động và khuyến khích các doanh nghiệp trong việc hợp tác và tích cực tham gia vào quá trình tư vấn, hướng nghiệp và đào tạo.

2. Đẩy nhanh chuyển đổi số, hiện đại hoá cơ sở vật chất thiết bị và đổi mới chương trình, phương thức đào tạo

a) Đẩy nhanh chuyển đổi số

- Chuyển biến căn bản nhận thức và nhanh chóng nâng cao năng lực chuyển đổi số của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Xây dựng các nền tảng số, hỗ trợ dạy học trực tuyến tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Phát triển kho học liệu số ở tất cả các ngành nghề đào tạo.

b) Hiện đại hoá cơ sở vật chất thiết bị

Hiện đại hoá cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, phù hợp với công nghệ sản xuất của doanh nghiệp, định hướng phân

tăng chất lượng đặc thù các ngành, nghề đào tạo. Tăng cường gắn kết với các doanh nghiệp để khai thác, sử dụng thiết bị đào tạo tại doanh nghiệp. Phát triển mô hình "nhà trường thông minh hiện đại", nhà trường xanh.

c) **Đổi mới chương trình, phương thức đào tạo**

- Xây dựng, cập nhật chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam có tham chiếu chuẩn khu vực và quốc tế. Phát triển chương trình đào tạo theo hướng mở linh hoạt, liên thông dựa trên mô đun, tín chỉ đáp ứng chuẩn đầu ra và khối lượng học tập tối thiểu. Phát triển chương trình đào tạo cho người lao động trong các doanh nghiệp theo hình thức vừa làm vừa học.

- Đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin. Thí điểm triển khai một số mô hình đào tạo mới, đặc biệt là những ngành, nghề đáp ứng yêu cầu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Đổi mới, đa dạng phương thức kiểm tra đánh giá có sự tham gia và thừa nhận của người sử dụng lao động.

- Giáo dục toàn diện, chú trọng đến phát triển phẩm chất, bình đẳng giới, hình thành các kỹ năng cốt lõi, kỹ năng mềm, kỹ năng số, trình độ ngoại ngữ và cá thể hoá người học.

3. Phát triển đội ngũ nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề và cán bộ quản lý trong giáo dục nghề nghiệp

a) **Phát triển đội ngũ nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề**

- Triển khai thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng năng lực chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm dạy nghề, cho nhà giáo giáo dục nghề nghiệp phù hợp với các cơ sở đào tạo của tỉnh. Đa dạng hoá phương thức đào tạo, bồi dưỡng. Tổ chức, sắp xếp lại hệ thống cơ sở đào tạo phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Phát triển mạnh đội ngũ nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề đủ năng lực chuyên môn nghiệp vụ tham gia đào tạo các cấp trình độ của giáo dục nghề nghiệp

- Phát triển mạnh đội ngũ nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề đủ năng lực tham gia đào tạo các cấp trình độ của giáo dục nghề nghiệp.

b) **Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp**

- Chuẩn hoá cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng chú trọng kỹ năng quản lý - quản trị hiện đại, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, trình độ ngoại ngữ.

- Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Hỗ trợ, khuyến khích cán bộ quản lý đào tạo tại doanh nghiệp.

4. Gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp và thị trường lao động

- Thực thi cơ chế hợp tác giữa Nhà nước, Nhà trường, Nhà doanh nghiệp, người sử dụng lao động, các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp

trong các hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên cơ sở hài hoà lợi ích và trách nhiệm xã hội.

- Xây dựng các mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, người sử dụng lao động thông qua nâng cao năng lực thông tin về cung, cầu đào tạo nghề nghiệp. Đẩy mạnh dự báo nhu cầu đào tạo nghề nghiệp, khai thác hiệu quả dữ liệu, thông tin thị trường lao động quốc gia.

5. Nghiên cứu ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ; hướng nghiệp, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, tư vấn, hướng nghiệp, khởi nghiệp, hình thành các trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao.

- Gắn hoạt động đào tạo với các hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng chuyển giao công nghệ, thương mại hoá kết quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Thực hiện nghiên cứu khoa học theo cơ chế đặt hàng.

6. Tăng cường huy động và nâng cao hiệu quả đầu tư tài chính cho giáo dục nghề nghiệp

- Ưu tiên phân bổ ngân sách cho giáo dục nghề nghiệp trong các chương trình, dự án. Đa dạng hoá các nguồn đầu tư cho giáo dục nghề nghiệp.

- Đẩy mạnh tự chủ đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập. Tăng cường nguồn thu sự nghiệp từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động liên doanh, liên kết và cho thuê tài sản công theo quy định của pháp luật. Chuyển từ hỗ trợ theo cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế đặt hàng, đấu thầu, giao nhiệm vụ.

7. Truyền thông, nâng cao hình ảnh, thương hiệu và giá trị xã hội của giáo dục nghề nghiệp

- Hình thành hệ sinh thái truyền thông giáo dục nghề nghiệp, nâng cao nhận thức của xã hội về vị trí, vai trò của giáo dục nghề nghiệp, tầm quan trọng của kỹ năng lao động và cơ hội việc làm, thu nhập ổn định sau đào tạo nghề.

- Đa dạng hoá các hoạt động và hình thức truyền thông. Tổ chức các chương trình, sự kiện nhằm tôn vinh người học, nhà giáo, người dạy nghề, cán bộ quản lý, người sử dụng lao động...

8. Hội nhập quốc tế về giáo dục nghề nghiệp

- Nâng cao hiệu quả hợp tác toàn diện về giáo dục nghề nghiệp giữa tỉnh Sơn La với các tỉnh phía bắc nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào.

- Tăng cường hợp tác giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của tỉnh Sơn La với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc các tỉnh phía bắc nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào. Đặc biệt trong việc tiếp nhận, chuyển giao chương trình, giáo trình, học liệu và phương pháp giảng dạy.

- Hợp tác đưa lao động của tỉnh Sơn La đi học tập và lao động theo diện hợp đồng có thời hạn ở nước ngoài.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn ngân sách cấp hàng năm theo phân cấp hiện hành.
2. Nguồn vốn lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia
3. Nguồn thu từ học phí; thu từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; hoạt động liên doanh, liên kết; cho thuê tài sản công theo quy định của pháp luật.
4. Huy động của các tổ chức cá nhân, trong ngoài nước và các nguồn thu, quỹ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, các huyện, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch trong phạm vi của tỉnh. Đơn đốc kiểm tra, giám sát đánh giá việc triển khai thực hiện. Đánh giá sơ kết 05 năm, tổng kết 10 năm báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Sở Nội vụ

Chủ trì phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các ngành liên quan thực hiện Đề án kiện toàn, sắp xếp các trường cao đẳng, trung cấp trên địa bàn tỉnh Sơn La theo Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 14/01/2019 của UBND tỉnh Sơn La.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Huy động và cân đối nguồn lực, bố trí vốn đầu tư cho giáo dục nghề nghiệp theo quy định của pháp luật đầu tư công

4. Sở Tài chính

Chủ trì bố trí nguồn ngân sách sự nghiệp theo quy định của pháp luật về phân cấp ngân sách nhà nước

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, tạo nền tảng cho công tác giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành triển khai thực hiện hiệu quả Đề án "*Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025*" trên địa bàn tỉnh Sơn La theo Quyết định 1229/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh.

6. Ban Dân tộc

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong việc tuyên truyền, kiểm tra, giám sát thực hiện giáo dục nghề nghiệp tại vùng dân tộc thiểu số và miền núi; cụ thể hoá Kế hoạch vào Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

7. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong việc tuyên truyền, kiểm tra, giám sát thực hiện giáo dục nghề nghiệp cho lao động nông thôn; cụ thể hoá Kế hoạch vào Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

8. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thành lập Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Sơn La; hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

9. Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về Kế hoạch thực hiện Chiến lược giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045 trên địa bàn tỉnh Sơn La

10. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh

Phối hợp với các cơ quan quản lý Nhà nước về dự báo cung cầu nguồn nhân lực; phối hợp với doanh nghiệp đào tạo lao động theo yêu cầu.

Chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

Nghiên cứu cải tiến chương trình đào tạo, tăng cường trang thiết bị cơ sở vật chất; tăng cường đào tạo kỹ năng mềm, kỹ năng thực hành tiếp cận tốt yêu cầu lao động của doanh nghiệp.

11. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn năm 2045./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, Thành Phố;
- Các cơ sở Giáo dục nghề nghiệp;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (D05b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Tráng Thị Xuân

